

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-PT

Ngày 28 - 10 - 2022

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà

Ông Nguyễn Quang Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân thị xã C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: , thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Phan Thị Tú Giang, sinh năm 1979; địa chỉ: Khối c, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và C; địa chỉ: , thị xã C, tỉnh Nghệ An; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung K, chức danh: Giám đốc; có mặt tại phiên tòa.

+ Tổng Liên đoàn C; địa chỉ: Số 65, phố C, phường Trần C, quận c, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Q; chức vụ: Phó Trưởng Ban Quan hệ Lao động, Tổng Liên đoàn C; có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Võ Hồng V , sinh năm 1957; địa chỉ: Khối c, phường T, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Liên đoàn Lao động C; địa chỉ: Số C, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu H - Trưởng Ban Chính sách Pháp luật và Quan hệ Lao động, Liên đoàn C; có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phạm Đình Kh , sinh năm 1963; địa chỉ: Số 296, đường C, khối 1, phường C, thị xã C, Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Nguyễn Thị Th , sinh năm 1981; địa chỉ: Khối 1, phường C, thị xã C, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa;

+ Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 4 (Xóm 8 cũ), xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức H , sinh năm 1971; nơi làm việc: Liên đoàn C; có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lê Văn H sinh năm 1958; địa chỉ: Số 77, đường Nguyễn Sỹ Q , khối C, phường C, thành phố Vinh, Nghệ An; vắng mặt.

+ Anh Lê Thành L , sinh năm 1983; địa chỉ: Khách sạn C Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và C và Tổng Liên đoàn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2018, các lời khai, hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L; người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Trong năm 2012 - 2013, cá nhân bà Nguyễn Thị L đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và C (sau đây gọi tắt là Công ty C) vay tổng số tiền 14.500.000.000 đồng, thể hiện bằng 09 hợp đồng, phụ lục hợp đồng, phiếu thu tiền theo đúng nguyên tắc tài chính, cụ thể:

- Theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/11/2012, phiếu thu số 314 ngày 16/11/2012, Công ty C vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất 11,7%/năm (Theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2013, phiếu thu số 01 ngày 08/01/2013, Công ty c vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, lãi suất 11,7%/năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 28/01/2013, phiếu thu ngày 28/01/2013, Công ty c vay của bà L số tiền 2.500.000.000 đồng (vay dưới hình thức chuyển khoản), thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2013, phiếu thu số 15 ngày 14/3/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 28/3/2013, phiếu thu số 21 ngày 28/3/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 17/4/2013, phiếu thu số 23 ngày 17/4/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2013, phiếu thu số 91 ngày 11/6/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của Phụ lục Hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm).

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 28/6/2013, phiếu thu 131 ngày 28/6/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/ năm (theo khoản 1 Điều II của Phụ lục Hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 16/7/2013, phiếu thu số 176 ngày 16/7/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11,7%/năm (theo khoản 1 Điều II của phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2013 đi kèm);

Tổng cộng số tiền mà Công ty c vay của cá nhân bà L là 14.500.000.000 đồng. Tính đến nay, Công ty c mới trả cho bà L được 10.000.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2017, Công ty c và bà L làm biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty c còn nợ bà L số tiền 10.694.803.330 đồng và thống nhất đến tháng 8 năm 2018 trả cho bà L số tiền 3.564.803.330 đồng. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2018, công ty mới trả cho bà L được 300.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do phía Công ty c không nghiêm túc thực hiện thanh toán công nợ theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện Công ty C phải thanh toán cho bà L số tiền: Tiền gốc 10.394.803.330 đồng, tiền lãi suất 2.407.999.500 đồng (tương ứng 11,7%/năm tiền lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/11/2018); tổng cộng 12.802.802.000 đồng.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29/11/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc Công ty C phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền tính đến ngày 29/11/2019 là 11.778.878.513 đồng; trong đó tiền gốc là 10.394.803.330 đồng, tiền lãi là 1.384.075.183 đồng. Sau đó, bà Nguyễn Thị L và Công ty c có đơn kháng cáo. Ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST

ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã C giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật với lý do: Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa Tổng liên đoàn Lao động C tham gia tố tụng; xác định sai tư cách tố tụng của ông Võ Hồng V, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và “Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 100% vốn do Tổng Liên đoàn C giao nhưng bản án sơ thẩm buộc công ty phải thanh toán khoản nợ cho bà L là không đúng quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác thi hành án”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm cũng khẳng định “Bản án sơ thẩm buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và C phải thanh toán khoản nợ cho bà L là không đúng quy định của pháp luật”.

Ngày 31/3/2021, bà Nguyễn Thị L có văn bản trình bày: Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quy chế Tổ chức, quản lý tài chính doanh nghiệp Công đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ ngày 01/9/2011 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn), bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam phải trả cho bà L tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2021 là 15.620.815.940 đồng; trong đó, tiền gốc 10.394.803.330 đồng, tiền lãi suất từ ngày 01/10/2017 đến ngày 02/4/2021 (1531 ngày) x lãi suất 11,7%/năm = 5.226.012.610 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phải trả cho bà L tổng số tiền tính đến ngày 25/11/2021 là 16.412.898.019 đồng; trong đó, tiền gốc: 10.394.803.330 đồng, lãi suất từ ngày 01/10/2017 đến ngày 25/11/2021 (lãi suất 11,7%/năm) = 6.018.094.689 đồng. Nếu bị đơn không đồng ý, bà L đề nghị Hội đồng xét xử buộc Tổng liên đoàn C phải trả cho bà L tổng số tiền gốc và lãi suất (thời điểm tính lãi suất, mức lãi suất) theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc, biên bản đối chất, quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Trung Ki - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C trình bày: Ông Kiên đồng ý với 09 hợp đồng, phụ lục hợp đồng và biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017 như bà Nguyễn Thị L trình bày. Về vấn đề quyết toán các khoản nợ, tại thời điểm năm 2019, năm 2020, từ thời điểm ông Lê Trung Kiên tiếp nhận làm việc tại Công ty Công đoàn Nghệ An, trong các báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đều có khoản nợ của bà L. Về khoản vay 2.500.000.000 đồng mà Tổng Liên đoàn C còn bản khoản về tính pháp lý, nếu có thể được, đề nghị bà L tách ra giải quyết trong vụ án khác; đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty C không có yêu cầu phản tố.

Theo biên bản làm việc, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Đình Q - người đại diện theo ủy quyền của C trình bày: Tổng liên đoàn C là chủ sở hữu của Công ty C. Việc Công ty C xây dựng khách sạn 07 tầng, Tổng Liên đoàn C đã đồng ý chủ trương cho Liên C được đầu tư xây dựng và giao Liên đoàn C quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật. Quá trình triển khai thực hiện dự án, Tổng Liên C đã ban hành rất nhiều văn bản

liên quan đến việc xây dựng khách sạn. Về tài sản hiện tại, Công ty C đang quản lý, theo quy định tại Điều 28 của Luật Công đoàn, tài sản được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn, từ nguồn vốn của Công đoàn, tài sản do Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho Công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật thuộc sở hữu của Công đoàn. Tổng liên đoàn là chủ sở hữu tài sản của Công đoàn, nói cách khác, tài sản của Công ty Công đoàn Nghệ An đang quản lý thuộc sở hữu của Tổng Liên C.

Về vấn đề huy động vốn xây dựng khách sạn 07 tầng tại Công ty C, trong quá trình xây dựng khách sạn 07 tầng tại Công ty C, Tổng C có chủ trương về việc huy động vốn và hoan nghênh các đối tác cho vay vốn để hoàn thiện công trình, việc xác định cụ thể từng khoản vay và việc vay vốn phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đối với 09 khoản vay mà bà Nguyễn Thị L khởi kiện, Tổng Liên C nhận thấy có những khoản vay có dấu hiệu không minh bạch, chưa tuân thủ quy định của pháp luật, đặc biệt đối với hợp đồng vay ngày 28/01/2013, số tiền vay 2.500.000.000 đồng. Tổng Liên C mong muốn bà L và Công ty C thỏa thuận giải quyết vụ án theo phương án trả nợ cho bà Nguyễn Thị L nếu ông Võ Hồng V với tư cách là giám đốc của Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty C) chưa yêu cầu thi hành bản án liên quan đến Công ty C. Nếu hai bên thỏa thuận được, Tổng liên đoàn C chấp nhận số tiền nợ gốc mà Công ty C đã vay của bà L là 14.500.000.000 đồng (bao gồm cả khoản vay 2.500.000.000 đồng) còn lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng vào từng thời điểm. Đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của Tổng Liên C đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án một cách khách quan để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Tổng Liên C là chủ sở hữu của Công ty, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm trả nợ do Tòa án xác định theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản làm việc, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Liên đoàn C trình bày: Liên đoàn C thừa nhận các văn bản chủ trương của Tổng Liên C và Liên đoàn C về việc huy động vốn xây dựng khách sạn 07 tầng tại Công ty C. Công ty C vay ai thì phải trả cho người đó. Nếu vay đúng pháp luật thì Công ty phải trả lãi suất theo đúng hợp đồng và quy định của pháp luật. Nếu hợp đồng vay vi phạm điều cấm của pháp luật thì coi hợp đồng là vô hiệu và chỉ trả gốc không trả lãi. Trong tổng số 09 khoản vay mà bà Nguyễn Thị L khởi kiện, có khoản vay ngày 28/01/2013, số tiền vay 2.500.000.000 đồng, quan điểm của Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An là Công ty Công đoàn Nghệ An không vay bà Nguyễn Thị L khoản này. Bà Nguyễn Thị L không có quyền khởi kiện khoản vay ngày 28/01/2013, số tiền vay 2.500.000.000 đồng, bởi vì bà L không phải là người chuyển tiền vào tài khoản Công ty Công đoàn Nghệ An. Ông Viện đứng tên Công ty Công đoàn Nghệ An, vay từ ngân hàng và chuyển khoản vào tài khoản Công ty C. Trong phiếu thu không có chữ ký của bà L, tên bên vay là Công ty C, hồ sơ vay là do ông Viện ký. Đối với các khoản vay khác còn lại, có khoản vay ngày 08/01/2013, số tiền vay 600.000.000 đồng, phiếu thu không có tên bà L ký xác nhận. Đối với 07 khoản

vay còn lại có đầy đủ hợp đồng, phụ lục hợp đồng, phiếu thu có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các khoản vay. Liên đoàn C có thiện chí hòa giải, thỏa thuận phương án trả nợ cho bà Nguyễn Thị L nếu ông Võ Hồng V với tư cách là giám đốc của Công ty C chưa yêu cầu thi hành bản án liên quan đến Công ty Công đoàn Nghệ An và Công ty C. Trường hợp ông Viện với tư cách là giám đốc Công ty C vẫn yêu cầu thi hành bản án liên quan đến Công ty Anh Cường và Công ty Công đoàn Nghệ An thì Liên đoàn Lao động C đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồng V trình bày: Ông V nguyên là giám đốc Công ty V, việc vay vốn xây dựng khách sạn 07 tầng của Công ty C do Tổng Liên đoàn C và Liên đoàn C cho chủ trương. Từ năm 2010 cho đến khi kết thúc công trình, Tổng Liên C, Liên đoàn C đã ban hành rất nhiều văn bản chủ trương việc xây dựng khách sạn 07 tầng tại Công ty C và đều gửi về cho ông V .

Thực hiện chủ trương vay vốn của Tổng Liên V, Liên đoàn C, ông V với tư cách là Giám đốc, người quản lý Công ty C tại thời điểm đã vay vốn từ nhiều nguồn, trong đó có bà Nguyễn Thị L. Việc vay nợ giữa Công ty C và cá nhân bà Nguyễn Thị L là hoàn toàn hợp pháp, thực hiện đầy đủ mọi thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không vay cao hơn lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định, đối tượng cho vay không bị pháp luật cấm, khi vay đều lập các chứng từ hợp pháp, theo đúng nguyên tắc tài chính hiện hành có đầy đủ chữ ký của kế toán, thủ quỹ, giữa Công ty C và bà L đã ký 09 Hợp đồng vay tài sản, mỗi hợp đồng kèm theo phiếu thu và phụ lục hợp đồng, tổng số tiền Công ty Công đoàn Nghệ An vay bà Nguyễn Thị L là 14.500.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2017, giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L đã lập biên bản xác nhận công nợ, khẳng định Công ty C nợ bà L tổng số tiền cả gốc và lãi là 20.649.803.330 đồng. Quá trình trả nợ, Công ty C đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, cụ thể, tính đến hết ngày 31/10/2017, Công ty C đã chuyển trả bà L 9.500.000.000 đồng và 91.520.371 đồng thuế thu nhập cá nhân; 301.628.250 đồng theo Thông báo số 177/TB-LĐLĐ của Liên đoàn C 106.851.379 đồng. Số tiền còn lại Công ty C phải trả cho bà L là 10.649.803.330 đồng. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017, Công ty C thống nhất đến năm 2018 trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.564.934.443 đồng. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2018, Công ty C mới trả cho bà L được 300.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên.

Về khoản vay 2.500.000.000 đồng ngày 28/01/2013 giữa Công ty C và bà Nguyễn Thị L, sau khi thực hiện thế chấp nhà và đất của vợ chồng ông Viện, bà L tại Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị L đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty C tại Ngân hàng C số tiền 2.499.250.225 đồng vì Công ty C đã thỏa thuận về việc sẽ chịu khoản phí chuyển khoản cho bà L. Về việc này, ông V đã bàn bạc, thống nhất với kế toán trưởng lúc đó là ông Phạm Đình Kh . Mặc dù khoản vay 2.500.000.000 đồng này tồn tại hai hợp đồng vay (giữa Công ty C và Ngân hàng C và giữa Công ty C với bà Nguyễn Thị L) nhưng thực tế, Công ty C chỉ phải

chịu trách nhiệm trả nợ số tiền này duy nhất cho một mình bà Nguyễn Thị L, điều này cũng được ông Phạm Đình Kh - Kế toán trưởng và thủ quỹ công ty xác nhận. Gia đình bà L, con trai là anh Võ Mạnh C đã trực tiếp thanh toán nợ gốc, lãi suất, tất toán với ngân hàng, hoàn toàn không liên quan đến Công ty C; điều này được khẳng định bằng các chứng từ trả tiền gốc, tiền lãi suất và tất toán hợp đồng do Ngân hàng C phát hành. Trong báo cáo quyết toán năm 2013 của Công ty C không hề ghi nhận thêm khoản nợ nào giữa Công ty và Ngân hàng C về số tiền này. Kể từ thời điểm bà L cho Công ty V vay 14.500.000.000 đồng, trong đó có khoản vay 2.500.000.000 đồng cho đến ngày bà L khởi kiện ra Tòa án, Tổng Liên C, Liên đoàn C không có bất kỳ văn bản nào xác định các khoản vay trên không hợp lệ, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm và báo cáo quyết toán hoàn thành khách sạn 07 tầng cũng xác định có khoản vay này. Bản thân ông V với tư cách giám đốc Công ty C thời điểm xác lập các khoản vay cũng không nhận được bất kỳ văn bản, giấy tờ gì của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến tính pháp lý của các khoản tiền cá nhân bà L đã cho Công ty V vay.

Ông V thống nhất với quan điểm của bà L về việc giải quyết vụ án, không thống nhất phương án hòa giải do Tổng Liên C, Liên đoàn C đưa ra vì bản án liên quan giữa Công ty C và Liên đoàn C do Tòa án xét xử trước đó đã có hiệu lực pháp luật không liên quan đến vụ án này.

Theo biên bản làm việc, biên bản đối chất, quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình Kh trình bày: Ông Kh là kế toán trưởng của Công ty C từ năm 1999 cho đến tháng 6 năm 2016 thì nghỉ. Toàn bộ phiếu thu liên quan đến 09 hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty đều do ông Kh lập. Ông Kh khẳng định 09 phiếu thu thể hiện người nộp tiền là bà Nguyễn Thị L có tại hồ sơ vụ án đều do ông Phạm Đình Kh lập và chữ ký trong các phiếu thu đúng là chữ ký của ông Kh với tư cách là kế toán trưởng Công ty C tại thời điểm đó. Các phiếu thu đều được lập theo đúng nguyên tắc tài chính. Việc ông Phạm Đình Kh lập phiếu thu, ký vào các phiếu thu là đúng chức năng, nhiệm vụ. Các phiếu thu nêu trên đều ghi rõ người nộp tiền là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ số 37, đường Đình Công Trứ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, lý do nộp: Tiền cho Công ty vay và số tiền cụ thể bằng số, bằng chữ. Các số tiền vay theo từng phiếu thu nêu trên đều thu từ nguồn tiền của bà Nguyễn Thị L. Việc vay mượn tiền bà Nguyễn Thị L là theo đúng với kế hoạch vay của công ty, phù hợp với chủ trương xây dựng khách sạn 07 tầng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn C phê duyệt trước đó.

Ông Kh khẳng định 09 khoản vay theo từng phiếu thu và hợp đồng đi kèm đều đã được nhập vào quỹ tiền mặt và tài khoản của Công ty Công đoàn Nghệ An. Trong 09 khoản vay giữa bà L và Công ty C, có khoản vay ngày 28/01/2013 là do bà L (Ông Viện chồng bà L) chuyển khoản từ Ngân hàng C chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Công đoàn Nghệ An tại Ngân hàng C. Trong phiếu thu không ghi số ngày 28/01/2013, ghi số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, còn thực tế, sau khi trừ phí chuyển khoản, Công ty C nhận chuyển khoản từ bà L số tiền 2.499.250.225 đồng. Tất cả các khoản vay của bà L đều được sử dụng vào

việc xây dựng khách sạn 07 tầng. Việc bà L cho công ty vay tiền là đúng sự thật, mọi phiếu thu đều do ông Kh lập và đúng nguyên tắc tài chính, đúng nhiệm vụ, quyền hạn của kế toán. Quá trình Công ty C trả nợ cho bà Nguyễn Thị L, ông Kh không nắm được. Từ năm 2016, ông Kh đã nghỉ việc tại Công ty Cn. Bản thân ông Kh với tư cách kế toán trưởng của Công ty C thời điểm xác lập các khoản vay giữa cá nhân bà L với Công ty C không nhận được bất kỳ văn bản, giấy tờ gì của Tổng Liên C, Liên đoàn C xác định các khoản vay trên không hợp lệ, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm và báo cáo quyết toán hoàn thành khách sạn 07 tầng cũng xác định có các khoản vay này. Ông Kh cũng không nhận được văn bản nào của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến tính pháp lý của các khoản tiền cá nhân bà L đã cho Công ty C vay. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền gốc còn lại và lãi suất, ông Khanh đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án, các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo đúng luật định.

Theo bản tự khai, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th là thủ quỹ của Công ty C từ năm 2008 cho đến nay. Chị Th khẳng định chữ ký “Nguyễn Thị Th” trong 08 phiếu thu (ngoài phiếu thu số 23 ngày 17/4/2013 số tiền 500.000.000 đồng) đúng là chữ ký của chị Th với tư cách thủ quỹ của công ty, các phiếu thu đều được lập theo đúng nguyên tắc tài chính, việc chị Th ký vào các phiếu thu là đúng chức năng, nhiệm vụ. Các phiếu thu nêu trên đều ghi rõ người nộp tiền là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ số 37, đường Đinh Công Trứ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, lý do nộp: Tiền cho công ty vay và số tiền cụ thể bằng số, bằng chữ. Các số tiền vay theo từng phiếu thu nêu trên đều thu từ nguồn tiền của bà Nguyễn Thị L. Việc vay mượn tiền bà Nguyễn Thị L là theo đúng với kế hoạch vay của Công ty Công đoàn Nghệ An, phù hợp với chủ trương xây dựng khách sạn 07 tầng của Tổng Liên C, Liên đoàn C phê duyệt trước đó. Các khoản vay nêu trên đều đã được nhập vào quỹ tiền mặt và tài khoản của Công ty C, trong đó, có khoản vay ngày 28/01/2013 là do bà L (Ông V chồng bà L) chuyển khoản từ Ngân hàng C chuyển khoản vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng C. Trong phiếu thu không ghi số, ghi ngày 28/01/2013, ghi số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, còn thực tế, sau khi trừ phí chuyển khoản, Công ty C nhận chuyển khoản từ bà L số tiền 2.499.250.225 đồng. Số tiền Công ty vay bà L đều được sử dụng vào việc xây dựng khách sạn 07 tầng. Việc bà L cho Công ty Công đoàn C vay tiền là đúng sự thật, mỗi hợp đồng vay tiền đều được lập phiếu thu và thực hiện đúng nguyên tắc tài chính. Chị Th là thủ quỹ Công ty cũng khẳng định, năm 2013 Công ty không xuất quỹ khoản tiền nào cho ông Võ Hồng Viện để thực hiện việc trả nợ Ngân hàng đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng. Quá trình Công ty C trả nợ cho bà Nguyễn Thị L, chị Th không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án, các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo đúng luật định.

Theo bản tự khai, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: Thời điểm ngày 17/4/2013, chị Hương là thủ quỹ Công ty C Nghệ An, chữ ký trong Phiếu thu tại hồ sơ vụ án số

23 ngày 17/4/2013, người nộp tiền Nguyễn Thị L, lý do nộp: Tiền cho công ty vay, số tiền 500.000.000 đồng kèm theo hợp đồng vay tiền ngày 17/4/2013 là đúng chữ ký của chị Nguyễn Thị H với tư cách là thủ quỹ của Công ty C tại thời điểm đó; phiếu thu được lập theo đúng nguyên tắc tài chính, chị H ký vào phiếu thu là đúng chức năng, nhiệm vụ. Trên phiếu thu nêu trên ghi rõ người nộp tiền là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ số 37, đường Đình Công Trứ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, lý do nộp: Tiền cho công ty vay và số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền 500.000.000 đồng theo phiếu thu nêu trên là thu từ nguồn tiền của bà Nguyễn Thị L, số tiền vay này đã được nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty Công đoàn Nghệ An. Việc vay mượn tiền bà Nguyễn Thị L là theo đúng với kế hoạch vay của Công ty Công đoàn Nghệ An, phù hợp với chủ trương xây dựng khách sạn 07 tầng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An phê duyệt. Quá trình Công ty Công đoàn Nghệ An trả nợ cho bà Nguyễn Thị L, chị Hương không nắm được; đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án, các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo đúng luật định.

Theo bản tự khai, biên bản đối chất, quá trình hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành Lê trình bày: Trước khi nghỉ hưu, ông Phạm Đình Khanh đã bàn giao lại cho ông Lê các giấy tờ, sổ sách, trong đó có các số liệu liên quan đến việc vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L. Việc vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L trước đó như thế nào, ông Lê không rõ. Sau khi được Công ty Công đoàn Nghệ An, yêu cầu đối chiếu công nợ, ông Lê đã căn cứ vào giấy tờ, sổ sách tại công ty và lập biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017. Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017, Công ty Công đoàn Nghệ An nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 20.649.803.330 đồng. Quá trình trả nợ, Công ty Công đoàn Nghệ An đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, cụ thể, tính đến hết ngày 31/10/2017, Công ty Công đoàn Nghệ An đã chuyển trả cho bà L 9.500.000.000 đồng và 91.520.371 đồng thuế thu nhập cá nhân, 301.628.250 đồng theo Thông báo số 177/TB-LĐLĐ của Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An và 106.851.379 đồng ngày 22/11/2017. Số tiền còn lại, Công ty Công đoàn Nghệ An phải trả cho L là 10.649.803.330 đồng. Công ty Công đoàn Nghệ An thống nhất đến năm 2018 trả cho bà L số tiền 3.564.934.443 đồng. Tuy nhiên đến năm 2018, Công ty Công đoàn Nghệ An mới trả thêm cho bà L được 300.000.000 đồng. Ông Lê khẳng định các hợp đồng vay đều có phiếu thu kèm theo, có sự tham gia của kế toán, thủ quỹ, giám đốc theo đúng nguyên tắc kế toán. Ông Lê với tư cách kế toán trưởng Công ty Công đoàn Nghệ An sau khi nhận bàn giao công tác kế toán, trong đó có khoản vay của Công ty Công đoàn Nghệ An với bà L, ông Lê không nhận được bất kỳ văn bản, giấy tờ gì của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An xác định các khoản vay trên không hợp lệ, ông Lê cũng không nhận được văn bản nào của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến tính pháp lý của các khoản tiền cá nhân bà L đã cho Công ty Công đoàn Nghệ An vay. Về quan điểm giải quyết vụ án, ông Lê mong muốn bà L và Công ty Công đoàn Nghệ An thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án

căn cứ vào hồ sơ, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Theo bản tự khai, quá trình hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Hòe trình bày: Năm 2012, ông Hòe được Thường trực Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An phân công làm Kiểm soát viên của Công ty Công đoàn Nghệ An thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Công đoàn Nghệ An. Việc xây dựng khách sạn 07 tầng tại Công ty Công đoàn Nghệ An có chủ trương của Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An và sự đồng ý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Từ khi nhận quyết định phân công cho đến khoảng năm 2015, năm 2016 (thời điểm có kiểm soát viên khác thay thế), ông Hòe không nhận được bất cứ thông báo, báo cáo nào về hoạt động của Công ty Công đoàn Nghệ An (bao gồm cả việc huy động vốn đầu tư xây dựng khách sạn 07 tầng tại Khách sạn Công đoàn). Do vậy, ông Hòe không tham gia kiểm soát bất cứ hoạt động nào của Công ty Công đoàn Nghệ An, không hưởng bất kỳ một chế độ lương, thưởng nào của Công ty Công đoàn Nghệ An. Việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty Công đoàn Nghệ An, ông Hòe chỉ được nghe nói, phía Công ty Công đoàn Nghệ An không có văn bản, ý kiến nào thông báo cho ông Hòe. Ông Hòe không tham gia biểu quyết, không ký bất cứ văn bản nào liên quan đến việc vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L; đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Hùng trình bày: Khi nhận nhiệm vụ tại Công ty Công đoàn Nghệ An, ban lãnh đạo mới (giám đốc, kế toán trưởng) đã được bàn giao lại công tác tài chính của Công ty Công đoàn Nghệ An, bao gồm tiền, tài sản và công nợ của công ty. Căn cứ vào số liệu quyết toán tính đến cuối ngày 06/7/2016, giám đốc cũ (ông Võ Hồng Viện), kế toán trưởng ông Phạm Đình Khanh đã bàn giao lại hồ sơ, sổ sách, giấy tờ liên quan cho ông Hùng và anh Lê Thành Lê (kế toán trưởng mới), có sự chứng kiến của đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An. Về chủ trương vay vốn xây dựng khách sạn 07 tầng của Công ty Công đoàn Nghệ An của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An, ông Hùng không nắm được vì lúc đó ông Hùng công tác ở Công đoàn Viên chức tỉnh Nghệ An. Về vấn đề vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L, trước khi ông Võ Hồng Viện, ông Phạm Đình Khanh thôi không làm Giám đốc và kế toán trưởng đã bàn giao lại cho ban lãnh đạo mới các giấy tờ, sổ sách, trong đó có các số liệu liên quan đến việc vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L, việc vay nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L trước đó như thế nào ông Hùng không rõ. Căn cứ vào yêu cầu đối chiếu công nợ của bên cho vay là bà Nguyễn Thị L, căn cứ vào giấy tờ, sổ sách tại Công ty Công đoàn Nghệ An, kế toán trưởng (anh Lê Thành Lê) đã lập biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017. Biên bản này có sự tham gia của bà Nguyễn Thị L, đại diện Công ty Công đoàn Nghệ An là ông Hùng (chủ tịch công ty tại thời điểm đó) và kế toán trưởng Lê Thành Lê. Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017, Công ty Công đoàn Nghệ An nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 20.649.803.330 đồng. Quá

trình trả nợ, Công ty Công đoàn Nghệ An đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ; cụ thể, tính đến hết ngày 31/10/2017, Công ty Công đoàn Nghệ An đã chuyển trả cho bà L 9.500.000.000 đồng và 91.520.371 đồng thuế thu nhập cá nhân 301.628.250 đồng theo Thông báo số 177/TB-LĐLĐ của Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An, 106.851.379 đồng ngày 22/11/2017, số tiền còn lại Công ty Công đoàn Nghệ An phải trả cho L là 10.649.803.330 đồng, Công ty Công đoàn Nghệ An thống nhất đến năm 2018 trả cho bà L số tiền 3.564.934.443 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018, Công ty Công đoàn Nghệ An mới trả thêm cho bà L được 300.000.000 đồng. Trong biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2017 cũng nêu rõ, Công ty Công đoàn Nghệ An sẽ tiến hành trả nợ cho bà L theo mục 4 của Bản cam kết này trong các tháng 6, 7, 9 trong năm trừ điều kiện bất khả kháng. Đến thời điểm năm 2019, trước khi ông Hùng chuyển công tác, Công ty Công đoàn Nghệ An vẫn còn lâm vào tình trạng khó khăn, có nhiều khoản nợ lớn chưa trả được, bao gồm khoản nợ của bà Nguyễn Thị L.

Về báo cáo tài chính của Công ty Công đoàn Nghệ An, báo cáo tài chính của Công ty Công đoàn Nghệ An năm 2016, năm 2017, năm 2018 và báo cáo quyết toán đến tháng 3 năm 2019 đều do ông Hùng ký với tư cách là chủ tài khoản của Công ty Công đoàn Nghệ An. Trong các báo cáo tài chính năm 2016, năm 2017, năm 2018 và báo cáo quyết toán đến tháng đến tháng 3 năm 2019, đều phản ánh khoản nợ giữa Công ty Công đoàn Nghệ An và bà Nguyễn Thị L. Báo cáo tài chính hàng năm sau khi được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán, Công ty Công đoàn Nghệ An sẽ trình lên Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An phê duyệt quyết toán tài chính. Về quan điểm giải quyết vụ án ông Hùng mong muốn hai bên tìm ra phương án trả nợ thích hợp, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 63 của Luật Doanh nghiệp; Điều 28 của Luật Công đoàn; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 13.846.447.614 đồng; trong đó, tiền gốc 10.349.803.330 đồng, tiền lãi suất 3.451.644.284 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với lý do: Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là bị đơn và buộc phải chịu trách nhiệm trực tiếp trả toàn bộ số tiền phát sinh do giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Trách nhiệm

hữu hạn Một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn Nghệ An là không đúng pháp luật; không đồng ý với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về giá trị pháp lý của 09 hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn Nghệ An; không đồng ý với nhận định và phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về khoản vay 2,5 tỷ đồng tại hợp đồng vay ký ngày 28 tháng 01 năm 2013. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ hồ sơ, tuyên bố các hợp đồng vay tiền được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C và bà Nguyễn Thị L từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 7 năm 2013 vô hiệu; tuyên bố không chấp nhận khoản vay 2,5 tỷ đồng ngày 28 tháng 01 năm 2013 theo hợp đồng giữa công ty với bà L do chưa hoàn thành, bà L chưa chuyển tiền cho công ty; xem xét lại trách nhiệm trả nợ cho Tổng Liên C cho bà L phù hợp nguồn vốn Tổng Liên c tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, người đại diện theo ủy quyền của bà L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng liên C và Đại diện Công ty C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc nguồn vốn của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam cấp cho Công đoàn do đâu mà có để làm rõ vốn điều lệ của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và phần vốn góp của Nhà nước chiếm bao nhiêu % tổng số vốn điều lệ, để xác định Công ty Công đoàn có thuộc doanh nghiệp Nhà nước không?. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Ý kiến Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa, thấy rằng: Việc xác định nguồn vốn của Nhà nước trong doanh nghiệp của Nhà nước tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành C, được quy định chi tiết cụ thể tại Luật Công đoàn Việt Nam; Luật Doanh nghiệp Nhà nước và Quy chế Tổ chức quản lý Tài chính doanh nghiệp Công đoàn kèm theo Quyết định số: 1073/QĐ-TLĐ ngày 01/9/2011 của Đoàn chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, do đó việc tạm ngừng phiên tòa là không cần thiết.

[3] Về nội dung: Ngày 26 tháng 7 năm 2012, Tổng Liên đoàn C có Văn bản số: 1088/TLĐ về việc đầu tư xây dựng khách sạn 05 tầng tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một C gửi Liên đoàn C; theo đó, Tổng Liên C đồng ý chủ trương cho Liên đoàn C được đầu tư xây dựng khách sạn 05 tầng trên diện tích đất của Công ty C, tổng mức đầu tư dự kiến 42.000.000.000 đồng, nguồn vốn đầu tư: Vay ngân hàng, ngân sách công đoàn tích lũy của Liên đoàn C, vốn tự có của công ty và huy động khác. Ngày 09 tháng 11 năm 2012, Công ty Công đoàn Nghệ An có Tờ trình số 66/TTCT về việc xin vay vốn và ngày 29 tháng 11 năm 2012, Liên đoàn Lao động Nghệ An có Công văn số 416/LĐLĐ-TC đồng ý với việc vay vốn để đầu tư xây dựng của Công ty C. Quá trình thực hiện dự án, từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 6 năm 2013, Công ty C đã vay của bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 14.500.000.000 đồng theo 09 hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các phiếu thu tiền có chữ ký của các bên. Đến ngày 09 tháng 11 năm 2017, Công ty C và bà L làm biên bản xác nhận công nợ, xác nhận Công ty C còn nợ bà L số tiền 10.694.803.330 đồng và thống nhất đến tháng 8 năm 2018 trả cho bà L số tiền 3.564.803.330 đồng nhưng mới trả được số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty C, Tổng Liên C phải trả tiền nợ tính đến ngày 25/11/2021 là 16.412.898.019 đồng; trong đó, tiền gốc: 10.394.803.330 đồng, lãi suất từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021 (lãi suất 11,7%/năm) = 6.018.094.689 đồng.

[4] Xét kháng cáo của Tổng Liên C và Công ty C:

[4.1] Về tư cách tham gia tố tụng: Ngày 01 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An buộc Công ty C phải trả số tiền nợ theo các hợp đồng vay tiền đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2020, ngày 27 tháng 3 năm 2021, ngày 02 tháng 4 năm 2021 và ngày 14 tháng 6 năm 2021; biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 02 năm 2021, bà Nguyễn Thị L đều yêu cầu Tòa án buộc Tổng Liên C (là chủ sở hữu của Công ty C) phải trả số tiền mà Công ty C còn nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tổng Liên C là bị đơn là có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 28 Luật Công đoàn; Điều 63 Luật Doanh nghiệp; Quy chế tổ chức, quản lý tài chính doanh nghiệp công đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ ngày 01/9/2011 của Chủ tịch công đoàn).

[4.2] Về tính hợp pháp của 09 hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty C, xét thấy: Thực hiện chủ trương của Tổng Liên C về việc cho phép huy động vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp Khách sạn 05 tầng (sau này 07 tầng) từ các nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân. Từ tháng 11/2012 đến tháng 6 năm 2013, Công ty Công Đoàn Nghệ An đã vay bà Nguyễn Thị L bằng 09 Hợp đồng vay tiền với tổng số tiền là 14.500.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đình Kh, bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị H là kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty Công đoàn tại thời điểm đều xác định và thừa nhận, 09 Hợp đồng vay tiền, các Phụ lục hợp đồng và các Phiếu nhận tiền giữa Công ty Công đoàn Nghệ An với bà Nguyễn Thị L được lập, ký kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc hay lừa dối, có đầy đủ chữ ký của bên cho vay (bà L)

và người đại diện có đủ thẩm quyền của bên vay (ông Võ Hồng Viện), đóng dấu của Công ty Công đoàn Nghệ An, có xác nhận của ông Phạm Đình Khanh (kế toán trưởng của công ty), bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Hương (Thủ quỹ Công ty); số tiền vay của bà L được nhập quỹ tiền mặt, theo dõi trên tài khoản cuat Công ty. Mục đích của các hợp đồng vay nhằm xây dựng khách sạn được sự chấp thuận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An, lãi suất vay từ 1,125%/ tháng đến 1,25%/tháng (Tương đương 13,5% - 15%/ năm) là phù hợp với các quy định của pháp luật. Quá trình vay, Công ty Công đoàn Nghệ An đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tại biên bản xác nhận công nợ ngày 09 tháng 11 năm 2017 xác định số tiền nợ còn lại của Công ty Công đoàn Nghệ An với bà L là 10.694.803.330 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[4.3] Xét tính hợp pháp của khoản vay 2.500.000.000 đồng ngày 28 tháng 01 năm 2013, thấy rằng: Căn cứ các tài liệu liên quan xác định, ngày 23/01/2013, ông Võ Hồng Viện giám đốc Công ty Công đoàn Nghệ An làm tờ trình; ký hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản của vợ chồng ông Viện, bà L để đảm bảo cho khoản vay 2.500.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Vinh; ngày 28/01/2013 ông Viện nhân danh giám đốc Công ty chuyển số tiền 2.499.250.225 đồng (đã trừ phí chuyển tiền) đến tài khoản Công ty Công đoàn Nghệ An tại Ngân hàng nông nghiệp thị xã Cửa Lò. Cùng ngày 28/01/2013, Công ty Công đoàn Nghệ An ký hợp đồng vay bà Nguyễn Thị L số tiền 2.500.000. 000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng, nâng cấp khách sạn 05 tầng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/tháng, hình thức vay bằng chuyển khoản. Tại phiếu thu tiền và lệnh thanh toán ngày 28 tháng 01 năm 2013 phản ánh Công ty Công đoàn Nghệ An vay bà Nguyễn Thị L và bà L đã chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng (số tiền thực tế là 2.499.250.225 đồng) đến tài khoản của Công ty Công đoàn Nghệ An tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã Cửa Lò do ông Phạm Hồng Khanh kế toán trưởng lập, bà Nguyễn Thị Th thủ quỹ ký nhận và có xác nhận của giám đốc Công ty ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đình Khanh kế toán trưởng; chị Nguyễn Thị Th thủ quỹ và ông Võ Hồng Viện giám đốc công ty đều thừa nhận số tiền vay 2.500.000.000 đồng là Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà Nguyễn Thị L. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Công ty Công đoàn Nghệ An cho rằng căn cứ các tài liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Nam Nghệ An (Chi nhánh Vinh cũ) thể hiện ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty Công đoàn Nghệ An ký hợp đồng vay tại ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng, ngân hàng đã chuyển tiền vay ngày 28 tháng 01 năm 2013 nên có sự mâu thuẫn, không rõ ràng với khoản vay của bà L, thấy rằng: Căn cứ các chứng từ giao dịch qua Ngân hàng do ông Viện, bà L xuất trình, tại chứng từ giao dịch ngày 12/8/2013 và ngày 15/8/2013 phản ánh ông Võ Hồng Viện (chồng bà L) là người trực tiếp trả nợ Ngân hàng 2.000.000.000 đồng và 510.000.000 đồng và tại chứng từ ngày 29/7/2013, anh Võ Mạnh Cường (con ông Viện, bà L) thanh toán 167.152.778 đồng là khoản lãi của

khoản vay 2,5 tỷ đồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Đình Khanh kế toán trưởng và bà Nguyễn Thị Th thu quỹ đều khẳng định: Khoản tiền 2.499.250.225 đồng mà ông Viện giám đốc chuyển từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Vinh tới Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cửa Lò ngày 28/01/2013 là tiền Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà L; ông Khanh, bà Th là người trực tiếp lập phiếu thu số tiền vay có tài khoản tại ngân hàng. Hơn nữa, căn cứ sổ theo dõi quỹ tiền mặt của Công ty Công đoàn Nghệ An năm 2013 và ông Khanh, bà Th cũng xác định, trong năm 2013, Công ty Công đoàn Nghệ An không xuất khoản tiền nào của Công ty cho ông Võ Hồng Viện giám đốc công ty để thanh toán khoản nợ 2,5 tỷ đồng vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh thành phố Vinh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản vay 2.500.000.000 đồng là Công ty Công đoàn Nghệ An vay của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ.

[4.4] Về trách nhiệm trả nợ: Công ty Công đoàn Nghệ An là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là chủ sở hữu và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An là đại diện chủ sở hữu. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quy chế Tổ chức, Quản lý Tài chính doanh nghiệp Công đoàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) quy định “Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên trực thuộc theo quy định của pháp luật”. Vì vậy, các khoản nợ của Công ty Công đoàn Nghệ An do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chịu trách nhiệm trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phải trả nợ cho bà L là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 10.394.803.330 đồng, số tiền lãi $10.394.803.330 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1212 \text{ ngày}$ (từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021) = 3.451.644.284 đồng, tổng cộng 13.846.447.614 đồng.

Còn việc đại diện theo ủy quyền của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An kháng cáo cho rằng việc vay vốn của Công ty Công đoàn Nghệ An vượt quá vốn điều lệ và các khoản vay của bà Nguyễn Thị L về trình tự, thủ tục không đúng quy định, làm thất thoát cho ngân sách của doanh nghiệp Nhà nước, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam có thể kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân liên quan.

[5] Về án phí phúc thẩm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn Nghệ An kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 63 của Luật Doanh nghiệp; Điều 28 của Luật Công đoàn; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Tổng C phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 13.846.447.614 đồng (*Mười ba tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*); trong đó, tiền gốc 10.349.803.330 đồng, tiền lãi suất 3.451.644.284 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Tổng Liên C phải chịu 121.846.400 đồng (Một trăm hai mươi một triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Nguyễn Thị L 59.190.000 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001861 ngày 09 tháng 01 năm 2019.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc Tổng Liên C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Cn phải chịu 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001074 và số 0001073 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn

